

# TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT KINH TẾ GIỮA SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CÀ PHÊ TẠI TỈNH SƠN LA

**Ths. Đặng Huyền Trang**

*Đại học Tây Bắc*

*Email: htrang20987@yahoo.com*

**PGS.TS Phạm Văn Khôi**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Sơn La là tỉnh miền núi, nằm ở trung tâm vùng Tây Bắc, có tọa độ địa lý từ 20<sup>0</sup>39' đến 22<sup>0</sup>02' vĩ độ Bắc và 103<sup>0</sup>11' đến 105<sup>0</sup>02' kinh độ Đông; độ cao trung bình 600-700 m. Sơn La được đánh giá là nơi có điều kiện khí hậu phù hợp với cây cà phê chè (Arabica), có thể sánh ngang với vùng cà phê nổi tiếng nhất thế giới là Brazil. Sau thời gian phát triển, hiện nay Sơn La có gần 6.000 ha, trong đó có hơn 3.500 ha cà phê Arabica với sản lượng từ 4.000 - 5.000 tấn nhân/năm. Sản xuất cà phê ở Sơn La đã góp phần khai thác đất đai, sức lao động, tạo nguồn nông sản xuất khẩu, tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo trên vùng đất còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, phát triển sản xuất cà phê tại Sơn La không ổn định, chưa xứng với tiềm năng do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản là mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê còn lỏng lẻo, thiếu bền vững. Chính vì vậy, bài viết này đưa ra một số gợi ý về liên kết giữa sản xuất chế biến và tiêu thụ cà phê tại Sơn La.*

**Từ khóa:** sản xuất cà phê, cà phê Arabica, Sơn La

## **1. Thực trạng liên kết kinh tế giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê tại tỉnh Sơn La**

### **1.1. Khái quát tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê ở Sơn La**

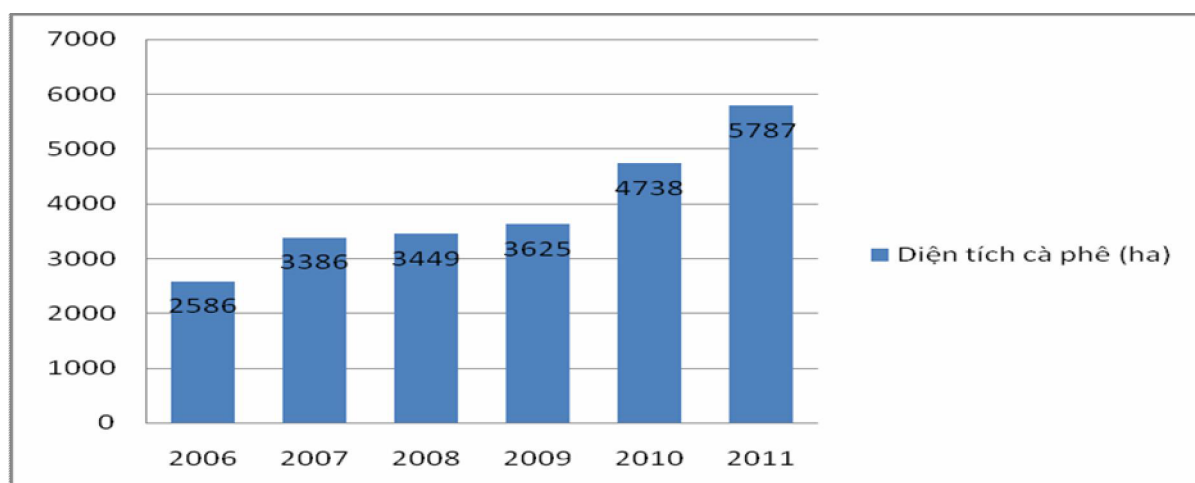
- *Về diện tích:* Cây cà phê du nhập vào Sơn La đã được gần 60 năm, được trồng rải rác trong các hộ gia đình với các giống thuộc dòng cà phê chè là Buốc Bông, Tipica. Tuy nhiên, cà phê chỉ được trồng với quy mô lớn bởi Công ty cà phê và cây ăn quả Sơn La từ năm 1996, trên địa bàn 11 huyện thị, 93 xã phường, thị trấn, với trên 7.200 hợp đồng, tổng vốn đầu tư 68.524,6 triệu đồng. Từ năm 1989 đến nay tổng diện tích lũy kế là 7.186 ha song do nhiều nguyên nhân như: trồng phân tán, quảng canh, giống cũ, thiếu chăm sóc và nhiều lần sương muối nay chỉ còn lại gần 6 nghìn ha.

Cà phê được trồng ở hầu hết những vùng có điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, vùng trồng cà phê trọng điểm và tập trung của Sơn La gồm những địa phương có điều kiện phát triển thuận lợi nhất (chiếm

96,89%) là huyện Mai Sơn, Thành phố Sơn La và huyện Thuận Châu, trong đó huyện Mai Sơn có 2.412 ha, chiếm 41,68% diện tích cà phê toàn Tỉnh, Thành phố Sơn La với diện tích 2.080 ha chiếm gần 36% và huyện Thuận Châu có 1.112 ha, chiếm 19,21%. Số cơ sở trồng cà phê ở Sơn La trên 4.000 cơ sở, trong đó tập trung đông nhất tại khu vực thành phố Sơn La với gần 2.126 cơ sở chiếm 53%, tiếp theo là huyện Thuận Châu và Mai Sơn và các huyện khác trong tỉnh số cơ sở trồng cà phê chỉ chiếm 4%.

- *Về sản lượng:* Sản lượng cà phê nhân của tỉnh Sơn La tăng lên qua các năm từ 3.170 tấn năm 2006 lên 5.674 tấn nhân năm 2011 tăng 1,8 lần, trong đó sản lượng nhân của khu vực thành phố Sơn La chiếm 47% sản lượng toàn tỉnh, tiếp đến là huyện Mai Sơn chiếm 39% sản lượng. Thành phố Sơn La có mức sản lượng lớn nhất, trong khi diện tích chỉ ở vị trí thứ hai là do trình độ thâm canh của các đơn vị trong vùng cao hơn các vùng sản xuất tập trung khác.

**Biểu đồ 1: Diện tích trồng cây cà phê của tỉnh Sơn La giai đoạn 2006-2011**



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Sơn La

**Bảng 1: Sản lượng cà phê nhân của tỉnh Sơn La giai đoạn 2006 - 2011**

Đơn vị: tấn

Địa phương	2006	2007	2008	2009	2010	2011
1. Thành phố Sơn La	1.956	1.956	2.027	2.271	2.457	2.668
2. Thuận Châu	346	346	397	463	557	658
3. Mai Sơn	758	758	1129	1653	2.099	2.238
4. Các huyện khác	110	13	75	69	40	110
<b>Tổng số</b>	<b>3.170</b>	<b>3.073</b>	<b>3.628</b>	<b>4.456</b>	<b>5.153</b>	<b>5.674</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Sơn La)

- Về chế biến cà phê: Chế biến cà phê được thực hiện qua hai công đoạn là sơ chế và tinh chế. Hiện nay cà phê sau chế biến tại tỉnh Sơn La chủ yếu dừng lại ở công đoạn sơ chế. Cả tỉnh hiện có trên 24 cơ sở tham gia chế biến cà phê, nhưng chỉ có 9 doanh nghiệp có vườn cây và có quy trình chế biến tương đối đồng bộ và khép kín (tương đương khoảng 20% sản lượng), còn lại 80% sản lượng vẫn do nhân dân tự thu hái, chế biến, bảo quản theo cách truyền thống rất thô sơ, đơn giản, nên không đạt tiêu

chuẩn kỹ thuật, số lượng thất thoát rất lớn và sản phẩm kém chất lượng chiếm tỷ lệ cao.

- Về tiêu thụ cà phê: Toàn bộ cà phê được sản xuất và chế biến trên địa bàn tỉnh Sơn La chủ yếu được bán cho các đơn vị ở ngoài tỉnh, trong đó có đơn vị trực tiếp chế biến xuất khẩu và đơn vị rang xay phục vụ tiêu dùng trong nước; số trực tiếp chế biến và tiêu thụ trên địa bàn có ít và quy mô nhỏ, chủ yếu rang xay thủ công. Đối tác lớn nhất tiêu thụ chủ yếu cà phê của tỉnh Sơn La là các Công ty

**Bảng 2: Tỷ lệ cơ sở vừa trồng vừa chế biến cà phê tại một số địa phương tỉnh Sơn La**

Địa phương	Số cơ sở trồng được phỏng vấn	Số cơ sở vừa trồng vừa chế biến	Tỷ lệ (%)
Thành phố Sơn La	20	7	35
Huyện Thuận Châu	20	3	15
Huyện Mai Sơn	20	9	45

(Nguồn: Tác giả tự điều tra và tổng hợp)

TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế, Công ty TNHH Minh Tiến và một số doanh nghiệp khác của Daklak. Hiện tại, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế có 2 xưởng chế biến và thu gom do Doanh nghiệp tư nhân Thu Thủy xây dựng tại Chiềng Mung - Mai Sơn và Muối Nội - Thuận Châu và xây dựng mối quan hệ bạn hàng với nhiều cơ sở chế biến khác trong tỉnh để có đủ nguyên liệu phục vụ chế biến cà phê xuất khẩu.

### **1.2. Thực trạng liên kết kinh tế giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê tại tỉnh Sơn La**

Liên kết kinh tế giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản nói chung, cà phê ở Sơn La nói riêng là yêu cầu khách quan để gia tăng giá trị sản xuất, điều hòa các mối quan hệ lợi ích... Vì vậy, nó được coi như là giải pháp quan trọng nhất trong phát triển ngành hàng nông sản. Ở Sơn La, sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê đã có quy mô khá, bước đầu có sự liên kết giữa các khâu, tuy sự liên kết còn lỏng lẻo, chưa thực sự tạo sự phát triển bền vững. Trên thực tế sự liên kết kinh tế giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê ở Sơn La được thể hiện qua các hình thức cụ thể sau:

- *Liên kết thông qua triển khai quy hoạch:* Vào những năm 2000-2005 quy hoạch trồng và chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được triển khai. Ngày 14 tháng 11 năm 2011 UBND tỉnh Sơn La đã phê duyệt Quy hoạch “*Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng trồng Cà phê tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2020*”, trong đó nội dung của các hoạt động sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê đã được xác định riêng và xác định trong mối quan hệ cân đối giữa các nội dung đó. Đây chính là cơ sở tiền đề để ngành cà phê xác định cơ cấu, thực hiện liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên ở giai đoạn 2000-2005, việc xây dựng quy hoạch mới tập trung vào khâu trồng cà phê, các nội dung chế biến và tiêu thụ chưa được quan tâm nên sự ăn khớp giữa các khâu chưa được chú trọng. Phần rà soát quy hoạch mới được triển khai từ năm 2012 nên chưa phát huy hiệu quả.

- *Liên kết thông qua lựa chọn các hình thức tổ chức sản xuất:* Đây là nội dung có tác động khá lớn đến sự liên kết kinh tế giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê. Bởi vì, nếu hộ nông dân, các trang trại là các đơn vị trực tiếp trồng và sơ chế cà phê, các doanh nghiệp thực hiện riêng lẻ các khâu chế biến và tiêu thụ thì đó là quá trình liên kết giữa các

chủ thể - quan hệ này rất lỏng lẻo và liên kết sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngược lại, nếu một chủ thể vừa trồng, chế biến và tiêu thụ cà phê thì quá trình đó đã chuyển từ quan hệ bên ngoài thành quan hệ nội tại trong từng chủ thể thì mối quan hệ đó rất chặt chẽ và có nhiều thuận lợi trong liên kết. Xét theo sự phân tích đó, Sơn La đã có những chuyển biến bước đầu trong việc xác định hình thức tổ chức sản xuất tạo sự thay đổi trong liên kết kinh tế giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê. Tuy nhiên, hiện nay ở Sơn La các cơ sở sản xuất và chế biến cà phê độc lập vẫn là chủ yếu, sự hình thành các cơ sở có cả 3 khâu hoạt động đã có nhưng còn ít. Toàn tỉnh hiện có 4.055 cơ sở trồng cà phê, chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, chưa có cơ sở nào đủ tiêu chí trở thành trang trại. Trong chế biến cà phê, hình thức chế biến (sơ chế) chủ yếu là hộ gia đình, số cơ sở chế biến ở quy mô doanh nghiệp còn ít (6 doanh nghiệp năm 2008 tăng lên 9 doanh nghiệp năm 2011), số hộ vừa trồng vừa chế biến cà phê là 31,7%. Không có cơ sở nào thuộc tỉnh Sơn La đảm nhiệm chức năng xuất khẩu cà phê. Hầu hết các cơ sở trồng và chế biến cà phê bán sản phẩm cho các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê từ Daklak đến thu gom, đánh bóng cà phê nhân và xuất khẩu.

- *Liên kết trực tiếp giữa các cơ sở trồng, chế biến và tiêu thụ cà phê độc lập:* Mối quan hệ giữa các cơ sở chế biến, tiêu thụ và nông dân thông qua các hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản là mối quan hệ được quan tâm nhiều nhất đối với sản xuất nông nghiệp. Tại tỉnh Sơn La những năm trước đây Công ty cà phê và cây ăn quả Sơn La đã thực hiện phương thức liên kết này. Vào những năm trước 2010, Công ty cà phê và cây ăn quả Sơn La đã hỗ trợ nông dân từ cây giống, phân bón và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây và ràng buộc sau khi thu hoạch nông dân phải bán cà phê quả tươi cho công ty. Với cách thức này, hoạt động sản xuất cà phê được cải thiện, nông dân có thu nhập cao từ cà phê, có những hộ nông dân thu nhập hàng trăm triệu từ cà phê. Tuy nhiên sau một số năm triển khai, khi thu hoạch bà con không muốn bán sản phẩm của mình cho công ty vì nhiều lý do khác nhau, trong đó lý do chính là giá Công ty thấp hơn giá của tư thương. Vì vậy, Công ty cà phê và cây ăn quả Sơn La không có đủ nguyên liệu sản xuất, không thu được các khoản nợ. Hình thức liên kết thông qua hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản từ đầu vụ không còn tồn tại; hình thức liên kết hiện nay là mua bán thỏa

thuận vật tư khi có nhu cầu và bán sản phẩm cà phê tươi sau thu hoạch.

Đứng trước thực trạng đó, UBND Tỉnh Sơn La lựa chọn tập đoàn Thái Hòa trong bao tiêu cà phê tuy nhiên công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa - Sơn La được thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động đã phải đóng cửa. Năm 2012 UBND tỉnh đã cấp giấy phép cho doanh nghiệp tư nhân cà phê Minh Tiến thực hiện đầu tư và ký hợp đồng thu mua sản phẩm đối với khoảng 2.400 hộ dân trong tỉnh. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Việt Đức, giám đốc Công ty thì ngay sau khi đi vào hoạt động, do giá cà phê liên tục hạ từ giữa năm 2011 tới nay nên việc tiêu thụ đang gặp rất nhiều khó khăn, trong khi đó nguồn vốn đầu tư cho nông dân vẫn rất hạn chế.

Bên cạnh những hỗ trợ từ các doanh nghiệp, các cơ sở chế biến, nông dân trồng cà phê được hỗ trợ trực tiếp về kỹ thuật trồng, chăm sóc cây cà phê của các tổ chức khuyến nông tuy nhiên trình độ của người dân còn hạn chế nên việc tiếp thu các kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc áp dụng vào thực tế trồng, chăm sóc cây cà phê còn nhiều vấn đề bất cập.

Tại diễn đàn “*Liên kết phát triển cây cà phê chè bền vững vùng Tây Bắc*” do Trung tâm Khuyến nông quốc gia tổ chức ở Thành phố Sơn La vào tháng 10 năm 2012, bốn nhóm vấn đề lớn liên quan tới việc quy hoạch, quản lý nguồn giống, chế biến - tiêu thụ sản phẩm và những bất cập trong việc ứng dụng kỹ thuật trồng cà phê chè đã được mổ xẻ.

Nhiều nông dân phản ánh, giống cà phê hiện đa số đều do họ tự ươm hoặc mua của các cơ sở sản xuất hoạt động trôi nổi, không có cơ quan nào quản lý.

Song song với vấn đề tiêu thụ sản phẩm đầu ra của nông dân cũng là lo lắng về nguyên liệu sản xuất của các cơ sở chế biến. Việc tranh mua, tranh bán trong thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cà phê tại Sơn La nhiều phen điều đứng, khi hợp đồng xuất khẩu cà phê với đối tác nước ngoài đã được ký kết từ trước nhưng không có nguyên liệu sản xuất. Giữa các cơ sở chế biến, tiêu thụ cà phê lớn trên địa bàn tỉnh Sơn La, như Công ty TNHH Minh Tiến, Doanh nghiệp tư nhân Thu Thủy, Công ty cổ phần Agrivina với các đơn vị chế biến cà phê nhỏ lẻ khác trong tỉnh thường tiến hành 3 hình thức mua bán là (1) ký gửi hàng hóa trước và chốt giá bán sau (trừ chi phí lưu kho, vận chuyển...); (2) mua bán trao tay, tức là giao hàng và giao tiền; (3) ứng trước vốn và bao tiêu sản phẩm. Tuy nhiên, việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở chế biến với nhau cũng chưa được thực hiện triệt để như không ký kết hợp đồng bằng văn bản hoàn chỉnh nên hợp đồng không có giá trị pháp lý khi có tranh chấp, thậm chí không ký hợp đồng bằng văn bản.

Hình thức đơn vị bao tiêu sản phẩm ứng trước vốn cho các cơ sở chế biến dựa trên chữ tín và mối quan hệ đã có từ lâu nên chỉ viết giấy biên nhận nhận tiền đơn giản chứ không giống hợp đồng tiêu thụ hàng hóa. Vì vậy, đến lúc đơn vị nhận tiền không bán sản phẩm cho đơn vị giao tiền cũng

**Bảng 3: Mức độ hỗ trợ của các cơ sở chế biến với nông dân và các cơ sở chế biến khác trên địa bàn tỉnh Sơn La**

TT	Chỉ tiêu	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn luôn
<b>I. Hỗ trợ của cơ sở chế biến đối với nông dân trồng cà phê</b>						
1	Hỗ trợ về vật tư cho nông dân	5/6	1/6			
2	Hỗ trợ về kỹ thuật đối với nông dân	5/6		1/6		
3	Trả trước tiền cà phê quả cho nông dân	6/6				
4	Hỗ trợ trong thu hoạch, vận chuyển	3/6	3/6			
<b>II. Hỗ trợ của cơ sở chế biến đối với các cơ sở chế biến khác</b>						
5	Hỗ trợ về vật tư đối với cơ sở chế biến		3/6	2/6	1/6	
6	Hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ chế biến			5/6	1/6	
7	Hỗ trợ trong thu gom quả cà phê		5/6		1/6	
8	Hỗ trợ trong tiêu thụ sản phẩm	4/6		1/6	1/6	

Nguồn: Tác giả tổng hợp kết quả trả lời phiếu điều tra.

không sao miễn là hoàn trả lại số tiền đã nhận (có thể kèm cả tiền lãi). Do đó, không khuyến khích các đơn vị nhận tiền bắt buộc bán hàng cho đơn vị giao tiền.

Thực trạng trên cho thấy không chỉ liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê mà mỗi liên kết 4 nhà: “Nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà nước và nhà khoa học” trong phát triển cà phê ở Sơn La còn lỏng lẻo. Chưa có cách thức giải quyết đầu ra cho nông dân khi nguồn cung tăng, nhất là việc tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng còn hạn chế chủ yếu là mua bán thỏa thuận sau khi thu hoạch. Khi được mùa, sản lượng tăng người nông dân bị ép giá, nên cuối cùng người nông dân vẫn là người thiệt thòi nhất trong các khâu của quá trình liên kết.

Thực trạng trên do các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Công tác quy hoạch tuy đã có nhưng còn chậm và chưa chú trọng đến tính liên kết giữa các khâu; (2) Các hình thức tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ còn ở cấp độ thấp nên chưa tạo sự cần thiết cao trong liên kết, trình độ và mức độ liên kết thấp; (3) Công tác quản lý chưa có tổ chức và chưa thực sự quan tâm đến sự liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê. Việc triển khai các chính sách, nhất là Quyết định 80/2002/TTg về khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng còn nhiều bất cập; (4) Chưa có tổ chức Hội làm chức năng liên kết và điều hòa các mối quan hệ kinh tế ngành hàng cà phê trên địa bàn Tỉnh.

## **2. Một số giải pháp nhằm tăng cường mối liên kết kinh tế giữa các cơ sở sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê ở tỉnh Sơn La**

### **2.1. Định hướng phát triển cà phê và liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê tỉnh Sơn La đến 2020**

Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng trồng Cà phê tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011- 2020 đã xác định rõ: *Phát huy các tiềm năng lợi thế của vùng, phát triển vùng nguyên liệu cà phê tập trung, bền vững gắn với công nghiệp chế biến; đảm bảo năng suất, sản lượng, chất lượng, hiệu quả cao trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo hướng ổn định lâu dài; giải quyết hài hòa lợi ích về kinh tế - xã hội, gắn với bảo vệ môi trường và giữ vững trật tự an toàn xã hội.*

Trên cơ sở định hướng trên, chúng tôi xác định, những năm tới Sơn La cần tập trung “Phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê theo định hướng thị

trường, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng hiện đại hóa, tạo sản phẩm có khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

- Phát triển vùng nguyên liệu cà phê tập trung, theo hình thức thâm canh, thân thiện với môi trường, đảm bảo chất lượng nguyên liệu, chi phí sản xuất thấp và thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

- Xây dựng cơ sở sản xuất giống, phân bón và vật tư khác phục vụ cho trồng và chế biến cà phê đảm bảo sự phát triển bền vững;

- Xây dựng cơ sở chế biến gắn với vùng nguyên liệu; Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm chế biến; Áp dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, thân thiện với môi trường;

- Nâng cao năng lực chế biến, đa dạng hoá mặt hàng giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm cà phê của tỉnh Sơn La nhằm tăng khả năng cạnh tranh, tăng cường xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường;

- Củng cố và phát huy vai trò của Hội Cà phê Cao Việt Nam để tổ chức sản xuất cộng đồng và gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ theo hợp đồng;

- Tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, có cơ chế, chính sách, tổ chức chỉ đạo sản xuất, cung cấp thông tin kinh tế thị trường, kỹ thuật, cảnh báo môi trường kịp thời để đảm bảo phát triển theo quy hoạch, kế hoạch;

- Phát triển trồng, chế biến, tiêu thụ cà phê của tỉnh Sơn La thành ngành sản xuất lớn đồng bộ từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, gắn kết giữa trồng với công nghiệp chế biến, bảo đảm chất lượng; trở thành một ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh Sơn La; Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu ngoại tệ cho tỉnh và đất nước; đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

### **2.2. Các giải pháp chủ yếu tăng cường liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ cà phê đến năm 2020 ở Sơn La**

#### *2.2.1. Quy hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch vùng sản xuất cà phê làm nguyên liệu cho chế biến*

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất chế biến và tiêu thụ cà phê tỉnh Sơn La đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Theo đó, vùng nguyên liệu cà phê chuyên canh tập trung trên địa bàn các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, thành phố Sơn La và mở rộng phát triển tại huyện Sốp Cộp đã được xác định, trong đó đến năm 2015 tổng diện tích toàn tỉnh là 6.000 ha (phát triển mới 997 ha); sản lượng qua chế biến đạt 11.328 tấn cà phê nhân. Năm 2020, diện tích mở rộng lên đến 10.000 ha; sản lượng qua chế biến và tiêu thụ là 22.053 tấn.

Để thực hiện các mục tiêu quy hoạch, UBND tỉnh cần chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính... phổ biến, hướng dẫn thực hiện theo chức năng chuyên ngành; Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn các huyện, thị, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện quy hoạch, lập kế hoạch 5 năm, hàng năm, xây dựng các dự án nhằm thực hiện tốt Quy hoạch; Thành lập ban hoặc tổ chuyên trách theo dõi việc thực hiện quy hoạch, thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thực hiện được các biện pháp trên, sẽ tạo sự đồng bộ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê, vấn đề liên kết giữa các khâu trong ngành cà phê có cơ sở được tăng cường.

#### 2.2.2. Giải pháp về lựa chọn các hình thức tổ chức sản xuất

Cần đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường các hình thức tổ chức nhiều khâu hoặc có sự gắn kết giữa các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê trên từng địa bàn. Hiện tại ở Sơn La hình thức tổ chức sản xuất cà phê là các hộ gia đình nên phát triển sản xuất có nhiều hạn chế. Việc sử dụng các yếu tố nguồn lực trong gia đình đã phần nào có hiệu quả song còn kém so với các hình thức khác như trang trại, nhóm sản xuất. Các hộ gia đình việc đầu tư cho sản xuất còn ít, quy mô diện tích của các hộ nhỏ nên khó áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất. Để sản xuất cà phê phát triển mạnh hơn nữa cần tổ chức các trang trại, các nhóm sản xuất cà phê song song với các hộ sản xuất cà phê. Để thực hiện biện pháp này cần nâng cao kiến thức cho các chủ hộ để họ tự nguyện tham gia vào các tổ, nhóm sản xuất, thành lập các trang trại sản xuất cà phê. Tuy nhiên kiến thức của đồng bào dân tộc còn kém nên đào tạo phải lâu dài mà người lớn lại ngại đi học nên càng khó khăn.

Ngoài ra cần chú trọng các hình thức tổ chức sau:

- Các hộ trồng cà phê theo mô hình quản lý cộng đồng (nhóm hộ, hợp tác xã,...); sắp xếp lại hệ thống các cơ sở chế biến và tiêu thụ phù hợp với các vùng sản xuất nguyên liệu.

- Thành lập các nhóm doanh nghiệp tiên phong, mỗi nhóm chỉ cần từ 3- 5 doanh nghiệp liên kết hoạt động có điều lệ nhằm mục tiêu nâng giá xuất khẩu để nâng giá mua, đảm bảo đầu ra.

- Từng bước phát triển thêm các HTX mới, chú ý tại các khu vực trồng cà phê tập trung theo quy hoạch.

- Đặc biệt tạo điều kiện để các doanh nghiệp chế biến trên địa bàn có sự liên kết trực tiếp với các cơ sở chế biến dưới hình thức Công ty cổ phần sản xuất, chế biến và xuất khẩu cà phê.

Thực hiện được các giải pháp trên, các mối quan hệ liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê sẽ từ các chủ thể nhỏ sẽ chuyển thành mối quan hệ bên trong, vừa bền vững, vừa có sự hài hòa trong xử lý lợi ích giữa các khâu của ngành cà phê.

#### 2.2.3. Tăng cường mối liên kết trực tiếp giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ và dịch vụ của ngành cà phê

Để đảm bảo cho ngành hàng cà phê phát triển bền vững, thì người trồng cà phê và doanh nghiệp chế biến cần “liên kết thật sự” bằng các hợp đồng kinh tế chặt chẽ trên cơ sở pháp lý, ràng buộc trách nhiệm đôi bên, đảm bảo cho người nông dân luôn bán được sản phẩm, doanh nghiệp không còn đối diện với nỗi lo thiếu nguyên liệu và khó khăn về nguyên liệu chất lượng tốt. Người trồng Cà phê cần những hợp đồng đầu tư ký kết thu mua nguyên liệu và doanh nghiệp nhận về những cam kết về chất lượng nguyên liệu từ người nông dân. Doanh nghiệp thực hiện hình thức ứng trước vốn, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật công nghệ và trực tiếp tiêu thụ cà phê quả tươi; Liên kết sản xuất trong đó hộ nông dân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên kết, liên doanh với doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp thuê đất, sau đó nông dân được sản xuất trên đất đã góp cổ phần liên doanh, liên kết hoặc cho thuê và bán lại nguyên liệu cho doanh nghiệp, tạo sự gắn kết bền vững giữa nông dân và doanh nghiệp...

Hợp đồng tiêu thụ nguyên liệu giữa các doanh nghiệp và người nông dân phải là hợp đồng mở, trong đó giá mua cà phê quả tươi phải là giá sàn bình quân tại thời điểm thu mua. Bãi bỏ lối tư duy

thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản với giá cứng nhắc lúc ký kết, loại bỏ yếu tố thị trường làm nảy sinh vấn nạn vi phạm hợp đồng do tác động biến động giá đã kéo dài nhiều năm.

Bên cạnh việc ký kết các hợp đồng tiêu thụ cà phê cần thiết lập mô hình liên kết thông qua chế độ tham dự cổ phần, xâm nhập lẫn nhau để mối quan hệ liên kết kinh tế đã có trở nên chặt chẽ hơn, bền vững hơn. Người nông dân có thể góp cổ phần trong doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ. Khi đó người nông dân trồng cà phê có cổ phần trong doanh nghiệp chế biến sẽ quan tâm hơn đến việc thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết vì họ ý thức được sự gắn kết về mặt lợi ích giữa họ và doanh nghiệp. Mặt khác việc xử lý mối quan hệ lợi ích giữa các bên cũng dễ dàng hơn thông qua quá trình phân chia lợi tức cổ phần từ doanh nghiệp.

Quan hệ liên kết giữa các chủ thể tham gia liên kết kinh tế phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và đôi bên cùng có lợi. Trên thực tế tại nhiều nơi cho thấy khi nào và ở đâu, lợi ích của một bên tham gia vào mối liên kết không đảm bảo hoặc bị coi nhẹ thì mối liên kết bị lỏng lẻo và dễ rạn nứt. Do vậy, để tăng cường liên kết kinh tế trong trồng, chế biến và tiêu thụ nông sản nói chung và cà phê nói riêng cần giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích giữa các bên tham gia sao cho lợi ích của các bên gắn liền với nhau thông qua các mối liên kết. Tuy nhiên, không nên cào bằng lợi ích giữa các bên mà phân chia theo mức độ đóng góp của các chủ thể tham gia.

Những giải pháp trên không phải là mới đối với ngành cà phê Việt Nam, nhưng thực sự chưa được triển khai đầy đủ và có hiệu quả ở Sơn La. Nó cần được tập trung triển khai ở Sơn La những năm tới.

#### 2.2.4. Phát triển và nâng cao vai trò của Hiệp hội

##### **Tài liệu tham khảo:**

1. Cục thống kê tỉnh Sơn La (2012), *Niên giám thống kê 2011*, Sơn La.
2. Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Sơn La (2007, 2008, 2009, 2010, 2011), *Báo cáo thực trạng phát triển cà phê chè ở Sơn La*.
3. UBND tỉnh Sơn La (2010), Quy hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch vùng trồng Cà phê tập trung tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 – 2020.
4. UBND tỉnh Sơn La (2010), Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011 – 2015.
5. Website của hiệp hội cà phê cao Việt Nam: WWW.Vifaco.org.com.vn

#### *ngành hàng cà phê trên địa bàn*

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Các hiệp hội ngành hàng ngày càng có vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp chế biến Cà phê nói riêng. Để nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng trong thời gian tới, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Thành lập Chi hội cà phê và ca cao của tỉnh Sơn La để hỗ trợ và thúc đẩy ngành cà phê phát triển phù hợp với lợi thế của tỉnh. Phát huy vai trò của các Hội, Hiệp hội trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, vừa là cầu nối và nhà tổ chức liên kết giữa các khâu của quá trình sản xuất, giữa các hội viên với các tổ chức và cơ quan quản lý nhà nước.

- Để Chi hội cà phê và Ca cao tỉnh Sơn La hoạt động có hiệu quả, các doanh nghiệp xuất khẩu phải có trách nhiệm cung cấp thông tin về hợp đồng mua bán hợp pháp cho các cơ quan có thẩm quyền để giám sát hoạt động xuất nhập khẩu; Tổ chức hệ thống thống kê tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê ở trong nước và thế giới để cung cấp thông tin dự báo trên thông tin đại chúng cho những người sản xuất kịp thời điều chỉnh; Tổ chức cho các doanh nghiệp nghiên cứu thông tin về giá cả, định hướng phát triển thị trường, những quy định pháp lý của nước sở tại về chống bán phá giá... để các doanh nghiệp kháng kiện có hiệu quả giảm bớt tổn thất do thiếu thông tin. Xây dựng cơ chế xúc tiến thương mại đủ mạnh để mở rộng thị trường, tăng chủng loại các mặt hàng và tạo thế cạnh tranh với thị trường thế giới. □